



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
BIENHOA CONCRETE JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2013

ANNUAL REPORT 2013





CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
Bienhoa Concrete Joint Stock Company

Trụ sở chính: Đường 1, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: (061) 3836195 – 3836196. Số fax: (061) 3836323.

Website: betongbienhoa.com.vn

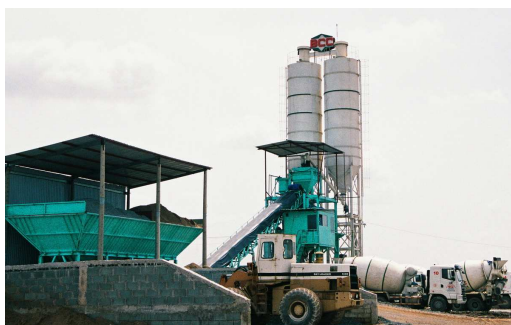
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 3600448180 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 07.502001, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22.4.2013.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất bê tông trộn sẵn
- Sản xuất bê tông đúc sẵn (cọc ống, cột điện, cọc vuông..)
- Gia công các cấu kiện kim loại
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất phụ gia dùng cho bê tông
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu và MMTB ngành xây dựng.

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

CÔNG TY TNHH MTV AN HÒA – BCC
An Hoa Limited Liability Company BCC



- Trụ sở: Ấp 5, Khu Công Nghiệp Nhứt Chánh
- xã Nhứt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
- Số điện thoại: (072) 3655428
- Số fax: (072) 3655128
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số: 1100803122 do Sở Kế hoạch Đầu tư Long An cấp lần đầu ngày 04.12.2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08.5.2012.

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa là đơn vị chuyên sản xuất các loại sản phẩm bê tông công nghiệp có chất lượng cao với hơn 40 năm kinh nghiệm trong ngành bê tông, đã tham gia và cung cấp sản phẩm cho nhiều công trình cấp quốc gia như nhà máy thủy điện Trị An, thủy điện thác Mơ và các dự án lớn như KTX Đại học quốc gia TP HCM, Nhiệt điện Phú Mỹ 2, bệnh viện Đa khoa Cần Thơ, cầu Đông Nai, cầu Rạch Chiếc...

Là doanh nghiệp Nhà nước từ năm 1975 đến năm 1999, trực thuộc Tổng Công ty xây dựng số 1 – Bộ Xây dựng. Từ 01.01.2000 chuyển đổi thành công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo quyết định số 1.047/QĐ-TTg ngày 18.11.1998 của Thủ tướng Chính phủ.

1. Quá trình phát triển.

– Công ty tiếp tục thực hiện ngành nghề kinh doanh truyền thống với sản phẩm chính là sản xuất các loại sản phẩm bê tông công nghiệp, với sản phẩm chủ lực là bê tông ly tâm ứng suất trước như cọc ống, cột điện các loại và bê tông trộn sẵn. Đồng thời, mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh khác như thi công hạ tầng, kinh doanh vật liệu xây dựng để nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng được yêu cầu cung cấp sản phẩm đến chân công trình theo yêu cầu của khách hàng.

– Hiện nay, công ty đang tập trung các biện pháp tích cực để hỗ trợ, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên An Hòa – BCC (công ty con), được đầu tư và đi vào hoạt động từ năm 2009, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng thị trường đến vành đai khu vực thành phố Hồ Chí Minh và phía Tây Nam bộ, nơi đang có nhu cầu rất lớn về phát triển hạ tầng.

2. Định hướng phát triển.

Định hướng phát triển lâu dài là xây dựng công ty trở thành đơn vị hoạt động đa ngành nghề, là một trong những đơn vị hàng đầu về sản xuất bê tông công nghiệp.

2.1- Triển vọng và kế hoạch sắp tới

Dự kiến đến cuối năm 2014, nền kinh tế sẽ dần phục hồi và có nhiều thuận lợi, các dự án xây dựng và cơ sở hạ tầng tiếp tục phát triển, thị trường bê tông mở rộng bằng những dự án cấp quốc gia đang triển khai tại các trục giao thông chính của khu tam giác kinh tế Đồng Nai – TP. Hồ Chí Minh – Bà Rịa Vũng tàu và các khu vực nội ô thành phố Biên Hòa, đặc biệt là dự án sân bay quốc tế Long Thành. Hiện nay, UBND tỉnh Đồng Nai tiếp tục triển khai thực hiện dự án chuyển đổi công năng Khu công nghiệp Biên Hòa 1 nên nhu cầu về sản phẩm bê tông đúc sẵn, bê tông trộn sẵn phục vụ cho việc xây dựng hạ tầng là rất lớn.

2.2- Mục tiêu giai đoạn 2014 – 2015

a) Tiếp tục đặt mục tiêu lợi nhuận là hàng đầu để xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất hàng năm một cách hiệu quả, hợp lý. Giảm thiểu, khắc phục nhanh nhất những tồn tại trong kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2011, 2012 và năm 2013.

b) Xây dựng công ty trở thành một trong những đơn vị hàng đầu về sản xuất sản phẩm bê tông công nghiệp và thi công hạ tầng cho các tỉnh phía Nam.

c) Tiếp tục phát triển thêm các loại sản phẩm có sức cạnh tranh để nâng cao lợi nhuận hàng năm. Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng được các dự án, công trình có khối lượng lớn, tiến độ nhanh nhằm nâng cao và khẳng định thương hiệu, uy tín của công ty trên thị trường.

d) Đảm bảo tốc độ phát triển hợp lý, bền vững và ổn định.

2.3- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

a) Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị, tiếp tục mở rộng sản xuất tại phần đất còn lại tại Công ty TNHH 01 thành viên An Hòa BCC để nâng mức doanh thu đạt công suất tối đa.

b) Nghiên cứu đầu tư phát triển xây dựng hạ tầng (thi công cầu cảng, xây dựng công trình công nghiệp, san lấp mặt bằng ...) đáp ứng nhu cầu thị trường xây dựng và đa dạng ngành nghề của công ty.

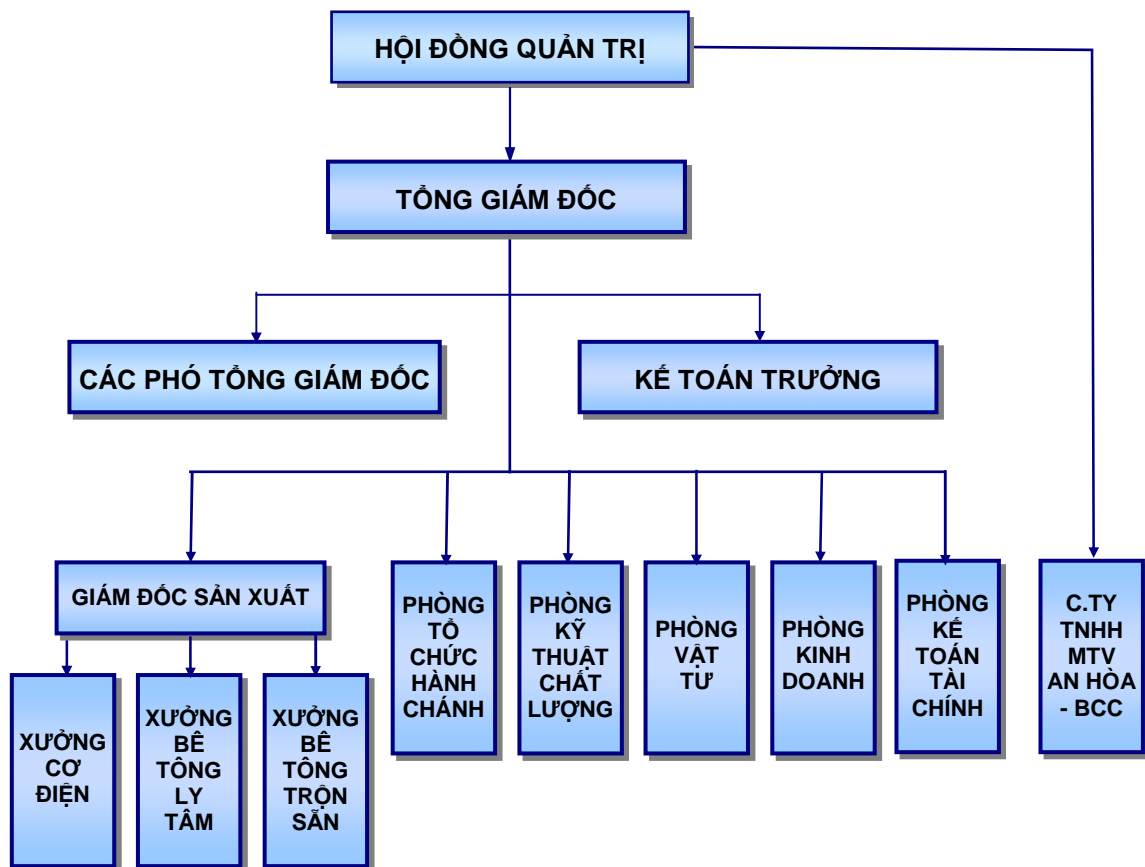
c) Tiếp tục đầu tư thiết bị, tổ chức đơn vị thi công cọc bê tông để chủ động trong việc cung cấp sản phẩm và thi công nhằm giảm được chi phí trung gian và chủ động về tiến độ.

d) Đầu tư thêm thiết bị sản xuất cọc cừ bê tông cốt thép, bê tông ly tâm ứng suất trước để nhận những đơn hàng với khối lượng lớn, đáp ứng nhu cầu thị trường về sản phẩm bê tông công nghiệp hiện đại.

e) Thành lập công ty con về kinh doanh thương mại, dịch vụ và kinh doanh vật liệu xây dựng để tăng doanh thu và lợi nhuận.

g) Lập phương án chuẩn bị cho việc di dời nhà máy bê tông tại Biên Hòa theo chủ trương chuyển đổi công năng Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 của UBND tỉnh Đồng Nai, kế hoạch thực hiện giai đoạn 2 từ năm 2013 – 2017.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

I. KẾT QUẢ SXKD NĂM 2013

1. Đánh giá chung

a) Những thuận lợi

- Là đơn vị có bề dày truyền thống về sản xuất bê tông từ năm 1968, các sản phẩm của công ty đã cung cấp rộng rãi trên thị trường. Công ty xây dựng được mối liên kết với các công ty cùng hiệp hội, ngành nghề, các đơn vị thi công, ép cọc và khách hàng truyền thống nên được sự chia sẻ về công nghệ, công việc cũng như kinh nghiệm sản xuất.
- Vị trí của Công ty nằm trong vùng kinh tế trọng điểm, giáp ranh giữa 3 khu vực phát triển năng động nhất cả nước là Đồng Nai, Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh. Địa điểm hoạt động cạnh trục giao thông quốc lộ và gần cầu cảng, có lợi thế về vận chuyển đường thủy và đường bộ.
- Công ty cổ phần bê tông Biên hoà là thành viên liên kết của Tổng Công ty Xây dựng số 1- TNHH MTV, đơn vị có tiềm lực và uy tín trên thị trường xây dựng nên được sự chia sẻ về công việc với Tổng Công ty cũng như các Công ty thành viên.

b) Khó khăn

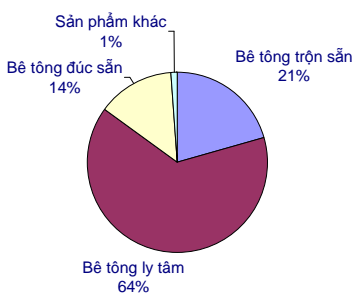
- Các dự án đầu tư, các công trình xây dựng, đặc biệt lĩnh vực bất động sản và xây dựng hạ tầng ngưng hoạt động hoặc giãn tiến độ do thiếu vốn, thị trường bị thu hẹp nên trong năm 2013 Công ty gặp khó khăn rất lớn về sản xuất, các dự án, hợp đồng tiếp thị được ít, sản xuất cầm chừng, chủ yếu chỉ sản xuất sản phẩm bê tông ly tâm. Công ty con An Hoà mới hoạt động lại từ tháng 6/2013 dù đã có công việc nhưng khối lượng chưa nhiều, chưa đạt được điểm hòa vốn.

- Giá nguyên, nhiên liệu luôn biến động và tăng cao trong khi giá bán sản phẩm lại tăng chậm, một số mặt hàng phải giảm giá bán do cạnh tranh gay gắt nên đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Lãi suất ngân hàng tuy đã giảm nhưng vẫn ở mức cao cộng với chính sách thắt chặt tín dụng làm ảnh hưởng đến nguồn vốn sản xuất kinh doanh. Mặt khác do tình hình tài chính khó khăn, khách hàng chiếm dụng vốn, chậm thanh toán nên công ty thiếu vốn để sản xuất.
- Công tác chất lượng chưa ổn định, một số sản phẩm còn sai sót, khuyết tật, mẫu mã chưa đạt nên phát sinh chi phí khắc phục, ảnh hưởng đến uy tín và lợi thế cạnh tranh của công ty.
- Do đặc thù ngành nghề thuộc lao động nặng nên việc tuyển dụng rất khó khăn. Công nhân hiện nay có xu hướng ngại việc gây trở ngại cho công tác tuyển dụng và đào tạo. Mặt khác do công việc không ổn định, vật tư thiếu làm gián đoạn sản xuất nên năng suất thấp, ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động.
- Công tác tiếp thị kinh doanh chưa có tính dự báo thị trường, chưa lường hết được những khó khăn, chậm điều chỉnh phương án sản xuất kinh doanh cho phù hợp nên các chỉ tiêu kế hoạch hàng tháng, quý đạt thấp.
- Trong năm 2013, công ty tiến hành cải tổ cơ cấu tổ chức và thay đổi nhân sự từ Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, các phòng ban, xưởng sản xuất của công ty mẹ đến Hội đồng thành viên, Ban điều hành công ty con. Việc tiếp nhận bàn giao, sắp xếp bộ máy, lựa chọn nhân sự cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

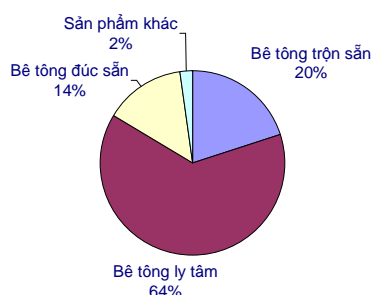
2- Thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2013

– Giá trị sản lượng	: 85,9 tỷ đồng , đạt 38,52% so với kế hoạch năm (223 tỷ đồng) và bằng 65,21% so với cùng kỳ năm ngoái (131,7 tỷ đồng).
▪ Bê tông trộn sẵn	: 17,634 tỷ đồng.
▪ Bê tông ly tâm	: 55,434 tỷ đồng.
▪ Bê tông đúc sẵn	: 11,777 tỷ đồng.
▪ Kinh doanh khác	: 1,057 tỷ đồng.
– Giá trị doanh thu	: 79,8 tỷ đồng , đạt 39,3% kế hoạch năm (203 tỷ đồng) và bằng 62,3% so với cùng kỳ năm ngoái (128 tỷ đồng).
▪ Bê tông trộn sẵn	: 15,896 tỷ đồng.
▪ Bê tông ly tâm	: 50,893 tỷ đồng.
▪ Bê tông đúc sẵn	: 11,320 tỷ đồng.
▪ Kinh doanh khác	: 1,688 tỷ đồng.
– Khối lượng SP	: 26.085m³ , đạt 36,23% kế hoạch năm (72.000m ³) và bằng 55,8% so với cùng kỳ năm ngoái (46.743m ³).
▪ Bê tông trộn sẵn	: 16.008m ³ .
▪ Bê tông ly tâm	: 7.742m ³ .
▪ Bê tông đúc sẵn	: 2.335m ³ .
– Lợi nhuận trước thuế	: -18,736 tỷ đồng.
– Lợi nhuận sau thuế	: -16,205 tỷ đồng.
– Giá trị khấu hao TSCĐ	: 2,17 tỷ đồng.
– Tổng quỹ lương	: 12,61 tỷ đồng.
– Thu nhập bình quân	: 5.601.000 đồng/người/tháng.
– Hạn mức VV ngắn hạn	: 25 tỷ đồng.
– Giá trị thu hồi vốn	: 91,79 tỷ đồng.
– Nợ phải thu khách hàng	: 45,84 tỷ đồng.
– Nợ phải trả	: 147,05 tỷ đồng.
– Nộp Ngân sách	: 2,19 tỷ đồng

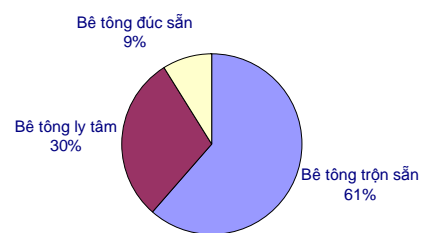
CƠ CẤU SẢN LƯỢNG 2013



CƠ CẤU DOANH THU 2013



CƠ CẤU KHỐI LƯỢNG SP 2013



2- Thực hiện các chỉ tiêu tài chính

a) Khả năng sinh lời:

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	: -23,48%.
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn góp chủ sở hữu	: -36,01%.
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	: -11,10 %.

b) Khả năng thanh toán:

+ Hệ số thanh toán hiện hành	: 0,47 lần.
+ Hệ số thanh toán nhanh	: 0,32 lần.

c) Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	: 59,78%
+ Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	: 40,22%

d) Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

+ Vòng quay hàng tồn kho	: 3,5 vòng.
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	: 0,54

e) Giá trị số sách tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 : -1,07 tỷ đồng.

f) Tổng số cổ phiếu của công ty đang lưu hành	: 4.500.000 cổ phiếu.
+ Cổ phiếu thông thường	: 4.500.000.
+ Cổ phiếu ưu đãi	: 0
+ Cổ phiếu quỹ	: 0



3- Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

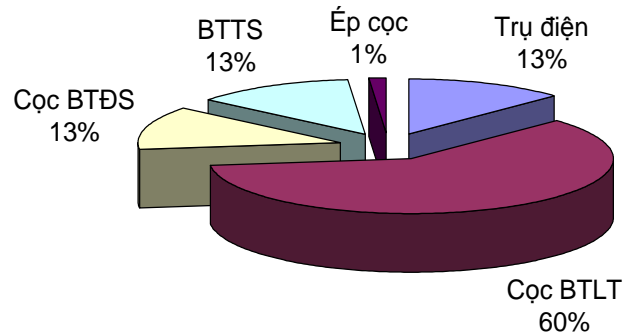
3.1- Công tác điều hành sản xuất

- Công tác tổ chức và điều hành sản xuất đã được quan tâm bằng việc kiểm soát chặt chẽ thời gian lao động, đồng thời các đơn vị sản xuất phải báo cáo tình hình, tiến độ hàng ngày để có phương án điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với năng lực thiết bị, năng lực tài chính trong lúc nguồn vốn cho sản xuất còn eo hẹp, khó khăn.
- Các đơn vị, phòng ban chưa bố trí hết nguồn lực hợp lý để đạt năng suất cao trong công việc, thời gian hữu ích còn thấp. Tính chủ động, phối hợp giữa các đơn vị trong việc triển khai nhiệm vụ chưa được phát huy triệt để, còn thụ động.
- Đã sắp xếp lại mô hình sản xuất theo hướng gọn nhẹ, sát nhập 2 xưởng Bê tông đúc sẵn và Bê tông ly tâm để tập trung điều hành sản xuất, thay 2 quản đốc xưởng bê tông trộn sẵn và xưởng Cơ điện, bố trí lại các vị trí chủ chốt của các xưởng (kỹ thuật, tổ trưởng). Bước đầu đã có sự chuyển biến về năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Hệ thống văn bản biểu mẫu thường xuyên được soát xét, cải tiến, hiệu chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế công việc để làm công cụ quản lý và chuẩn hoá phương pháp tác nghiệp. Tuy nhiên do thay đổi những nhân sự có ảnh hưởng đến chính sách chất lượng nên việc thực hiện các quy trình, biểu mẫu công việc vẫn chưa được nhuần nhuyễn và đồng bộ.

3.2- Công tác tiếp thị kinh doanh

- Do thị trường thu hẹp, các dự án lớn ngưng triển khai hoặc giãn tiến độ, các công trình thi công chậm do thiếu vốn nên công tác tiếp thị kinh doanh của công ty gặp rất nhiều khó khăn. Sự cạnh tranh của các đối thủ cùng ngành nghề ngày càng gay gắt, họ sẵn sàng giảm giá và chi hoa hồng cao để giành từng hợp đồng, dự án. Trong khi đó, công ty vẫn còn gặp những trở ngại, rào cản để xây dựng đối sách trong việc cạnh tranh nên việc làm không đều đặn, các hợp đồng bê tông trộn sẵn và cọc vuông BTĐS ký được ít và khối lượng không lớn.
- Mặc dù công tác tiếp thị có khó khăn, trong năm 2013, Công ty đã ký kết được 123 hợp đồng, giá trị 78 tỷ đồng (so với năm 2012 nhiều hơn 31 hợp đồng nhưng giá trị ít hơn 45 tỷ đồng).
 - + Trụ điện : 71 hợp đồng, 10 tỷ đồng.
 - + Cọc BTLT : 16 hợp đồng, 47 tỷ đồng.
 - + Cọc BTĐS : 5 hợp đồng, 10 tỷ đồng.
 - + Bê tông trộn sẵn : 30 hợp đồng, 10 tỷ đồng.
 - + Thi công ép cọc : 1 hợp đồng, 1 tỷ đồng.
 - + Giá trị chuyển tiếp qua năm 2014 là 60 tỷ đồng (cọc BTLT: 40 tỷ đồng, trụ điện 10 tỷ đồng, BTTS: 10 tỷ đồng).

GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG 2013



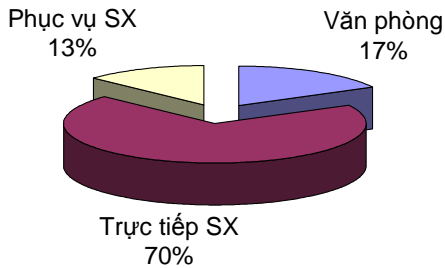
3.3- Công tác quản lý vật tư, sản phẩm

- Công tác quản lý vật tư và sản phẩm đã thực hiện theo đúng quy trình của quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm chênh lệch, thiếu hụt qua kiểm kê định kỳ không đáng kể, chất lượng vật tư đầu vào tương đối ổn định.
- Thực hiện chính sách tiết kiệm và thường xuyên tổ chức kiểm tra chéo, công ty đã tận dụng tối đa các vật tư dư thừa trong sản xuất, không xảy ra mất mát hao hụt.
- Do nguồn vốn sản xuất hạn hẹp, việc cung cấp vật tư chậm trễ và không đồng bộ đã ảnh hưởng nhiều đến kế hoạch sản xuất, khối lượng trong tháng đạt thấp, tiến độ cam kết với khách hàng bị chậm.
- Công tác vận chuyển sản phẩm bê tông đúc sẵn còn lệ thuộc vào các nhà thầu phụ nên ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng, chất lượng sản phẩm. Chi phí vận chuyển cao cũng gây khó khăn trong công tác chào thầu, dự thầu. Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị sản xuất, mua sắm công cụ giảm hơn so với các năm trước.

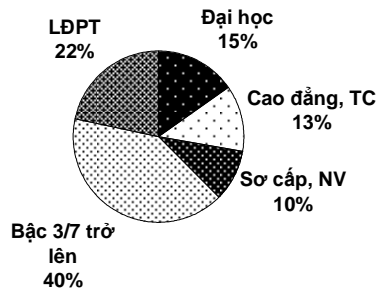
3.4- Công tác tổ chức nhân sự, lao động

- **Cơ cấu lao động:** Tổng số lao động toàn công ty 239 người, (công ty mẹ: 149 người, công ty con: 67 người), giảm 23 người so với năm 2012. Trong đó: khối văn phòng: 37 người (17,13%), khối phục vụ sản xuất: 28 người (12,96%), khối trực tiếp sản xuất: 151 người (69,91%).
- **Chất lượng lao động:** Đại học và trên đại học: 33 người; Cao đẳng, Trung cấp: 27 người; Sơ cấp, nhân viên: 21 người; LĐPT: 88 người; Thợ bậc 3/7 trở lên: 47 người.
- **Hợp đồng lao động:** HĐLĐ không xác định thời hạn: 68 người; HĐLĐ từ trên 1 năm đến 3 năm: 38 người; HĐLĐ trên 3 tháng đến 1 năm: 103 người; HĐLĐ mùa vụ và thử việc: 07 người

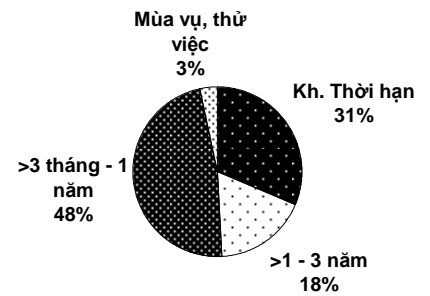
CƠ CẤU LAO ĐỘNG



CHẤT LƯỢNG LAO ĐỘNG



HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



- Công tác tuyển dụng, sử dụng lao động gặp nhiều khó khăn do việc làm không đều, mức thu nhập chưa cao nên chưa có sức thu hút lao động. Người lao động chưa an tâm, gấn bó nên khi vào làm một thời gian lại xin nghỉ việc, ảnh hưởng đến công tác đào tạo nghề và bố trí sản xuất.
- Hiện nay, do cuộc sống khó khăn, người lao động làm việc lâu năm xin nghỉ việc để lãnh trợ cấp thôi việc mặc dù gần đủ tuổi hưởng chế độ hưu trí, thậm chí có trường hợp xin nghỉ để lãnh trợ cấp rồi xin làm lại. Việc này gây khó khăn rất lớn cho công ty vì nguồn tiền chi trả trợ cấp không nhỏ, trong khi tình hình tài chính không đáp ứng kịp cho chi phí sản xuất.

3.5- Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng sản phẩm

- Công tác lập hồ sơ kỹ thuật sản phẩm đôi lúc còn chậm dẫn đến việc thanh quyết toán kéo dài, gây khó khăn, chậm trễ cho công tác thu hồi nợ, vòng quay vốn chậm nên nguồn vốn cho sản xuất luôn thiếu hụt. Mặt khác, khách hàng thường viện cớ vì lý do chất lượng để kéo dài thời gian thanh toán nên công tác lập hồ sơ vừa phức tạp vừa tốn chi phí.
- Công tác nghiệm thu chất lượng sản phẩm đã được cải thiện nhưng chưa thực hiện triệt để, việc cải tiến nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm chưa theo kịp yêu cầu ngày càng chuyên nghiệp của bê tông công nghiệp hiện đại. Việc nghiệm thu chất lượng vật liệu đầu vào và nghiệm thu bán thành phẩm thực hiện không đều cũng phần nào ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

3.6- Công tác quản lý thiết bị máy móc (tài sản)

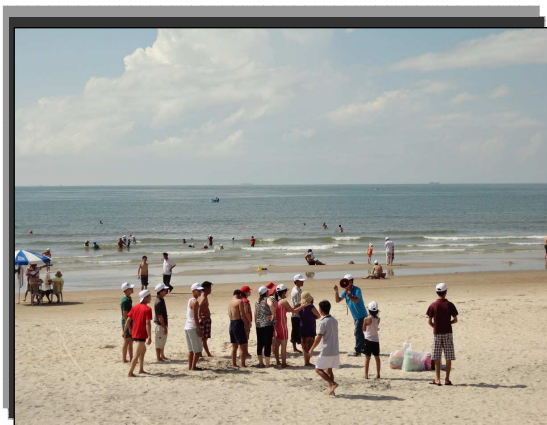
- Phương tiện, thiết bị sản xuất của công ty mẹ phần nhiều đã cũ, thường xuyên hư hỏng, giá trị khấu hao đã hết do sử dụng qua nhiều năm (giá trị tài sản còn lại 3 tỷ đồng). Trong năm 2013, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị có giảm so với năm trước (một phần do hoạt động sản xuất ít hơn).
- Hiệu suất sử dụng và công suất hoạt động của thiết bị máy móc, phương tiện vận chuyển chưa sử dụng hết do sản lượng thấp. Việc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị đã được quan tâm kịp thời, giảm thiểu việc thuê ngoài để tiết kiệm chi phí đồng thời nhanh chóng đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

3.7- Công tác tài chính và thu hồi vốn

- Do ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế và các chính sách thắt chặt tín dụng dẫn đến tình trạng khó khăn trong công tác thu hồi công nợ, không thực hiện được chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Mặt khác, nợ xấu phát sinh nhiều do thiếu tìm hiểu năng lực tài chính, khả năng thanh toán của khách hàng nên việc thu nợ gặp không ít khó khăn.
- Gánh nặng chi phí tài chính của các năm trước đã làm cho hoạt động tài chính trong năm 2013 gặp nhiều trở ngại, nguồn vốn có lúc cạn kiệt do vừa phải hoàn trả các khoản nợ cũ vừa phải đảm bảo cho các mặt hoạt động. Việc thu hồi vốn chậm đã dẫn đến tình trạng thiếu vốn lưu động, chậm thanh toán cho nhà cung ứng nên gặp nhiều áp lực, gây khó khăn cho công tác điều tiết dòng tiền mua sắm, nhập vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh.

3.8- Chính sách đối với người lao động

- Người lao động trong công ty hưởng lương khoán theo sản phẩm và theo năng suất lao động; Trường hợp thu nhập thấp hơn mức lương tối thiểu hoặc không có đơn hàng, công ty giải quyết bù lương để đảm bảo cuộc sống cho NLĐ.
- Người lao động được công ty đóng tất cả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn con người; được khám sức khỏe định kỳ... Theo chế độ chính sách của nhà nước. Kết quả khám sức khỏe định kỳ năm 2013:
 - Sức khỏe loại 1 : 01 người; tỷ lệ 0,86% (Nam: 01 người; Nữ: 0 người).
 - Sức khỏe loại 2 : 49 người; tỷ lệ 42,2% (Nam: 44 người; Nữ: 05 người).
 - Sức khỏe loại 3 : 55 người; tỷ lệ 47,4% (Nam: 45 người; Nữ: 10 người).
 - Sức khỏe loại 4 : 11 người; tỷ lệ 09,5% (Nam: 10 người; Nữ: 01 người).
- Người lao động được hưởng phụ cấp tiền cơm giữa ca. Công nhân sản xuất ca đêm được bồi dưỡng bằng hiện vật.
- Người lao động được cấp phát, trang bị BHLĐ (công nhân), đồng phục (văn phòng)
- Người lao động được thưởng hàng năm, thưởng trong dịp lễ Tết và thưởng thành tích đột xuất.
- Người lao động được cử đi học các khóa đào tạo trong và ngoài nước, được bồi dưỡng tay nghề, thi nâng bậc nâng lương; được tham quan nghỉ mát...



II. GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Đơn vị kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt – AASCN.

2. Báo cáo tài chính

- Ý kiến của kiểm toán độc lập và các nhận xét (*phụ lục kèm theo*)
- Bản báo cáo tài chính tóm tắt hợp nhất đã được kiểm toán (*phụ lục kèm theo*).

III. CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty TNHH 01 thành viên An Hòa – BCC thành lập tháng 12/2007, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (lần đầu) tháng 1/ 2008, thay đổi lần thứ 2 ngày 08.5.2012; vốn điều lệ 25 tỷ đồng do Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa đầu tư 100% vốn.

- Công ty bắt đầu đi vào sản xuất từ tháng 05 năm 2009 cho sản phẩm bê tông trộn sẵn, từ cuối năm 2009 và đầu năm 2010 sản xuất các loại sản phẩm bê tông ly tâm, bê tông đúc sẵn.

IV. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu tổ chức của công ty (công ty mẹ).

- Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Các phòng ban chức năng (5 phòng).
- Các xưởng sản xuất (3 xưởng)

2. Cơ cấu tổ chức công ty con (An Hòa – BCC)

- Hội đồng thành viên; Kiểm soát viên
- Tổng Giám đốc
- Phụ trách phòng kế toán.
- Các phòng chức năng, bộ phận nghiệp vụ (2 phòng).
- Các xưởng sản xuất (2 xưởng)

V. BAN ĐIỀU HÀNH

1. Thay đổi nhân sự Ban Điều hành và Kế toán trưởng trong năm.

Trong năm 2013, nhân sự Ban Điều hành công ty có sự thay đổi như sau:

- Ông Vũ Xuân Hải được Hội đồng quản trị bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc công ty từ ngày 08.3.2013, thay cho ông Hồ Đình Thuận xin từ nhiệm.
- Ông Trần Chí Hiếu được bổ nhiệm làm phó Tổng Giám đốc công ty từ ngày 01.4.2013.
- Ông Nguyễn Thanh Hoàn được tái bổ nhiệm phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 25.4.2013.
- Ông Trần Văn Ngân thôi giữ chức phó Tổng Giám đốc công ty kể từ ngày 25.4.2013. Lý do: hết nhiệm kỳ.
- Ông Nguyễn Trọng Kim thôi giữ chức phó Tổng Giám đốc công ty kể từ ngày 25.4.2013. Lý do: hết nhiệm kỳ.
- Ông Trần Văn Phúc thôi giữ chức Kế toán trưởng công ty kể từ ngày 16.12.2013. Lý do: miễn nhiệm.

2. Giới thiệu Ban Điều hành

Ông VŨ XUÂN HẢI. Chức vụ: Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1973. CMND số 023921447

Quá trình công tác:

- 2003 – 2007 : Công tác tại SONACON
- 2007 – 2013 : PP Đầu tư, Tổng Công ty xây dựng số 1 – TNHH MTV.
- 2013 đến nay : Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần bê tông Biên hòa
- Cổ phiếu nắm giữ : (Đại diện phần vốn Nhà nước) 1.718.182, tỷ lệ: 38,182%

Ông TRẦN CHÍ HIẾU. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975. CMND số 024396578

Quá trình công tác:

- 1999 – 2002 : Cán bộ kinh doanh XNK, Công ty TNHH Điện Thương mại Hiệp Tín
- 2002 – 2012 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty cổ phần XD và KD Vật tư – C&T.
- 2013 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bê tông Biên hòa
- Cổ phiếu nắm giữ : 0

Ông NGUYỄN THANH HOÀN. Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1969. CMND số 021787750

Quá trình công tác:

- 1995 – 1997 : Phụ trách Xí nghiệp bê tông Hòn Chông (đơn vị trực thuộc).
- 2007 – 2008 : Giám đốc Nhà máy bê tông Mỹ Xuân (đơn vị trực thuộc).
- 2008 – 2012 : Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV An Hòa – BCC (công ty con).
- 1995 đến nay : Công tác tại Công ty cổ phần bê tông Biên hòa
- Cổ phiếu nắm giữ : 6.000, tỷ lệ 0,133%

VI. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2014

1. Tình hình kinh tế thế giới và trong nước

Kinh tế thế giới năm 2014 đi vào giai đoạn tăng trưởng sẽ giúp cho các nước mới nổi trong đó có Việt Nam hưởng lợi. Sau những gói kích thích kinh tế mạnh mẽ, kinh tế Mỹ có sự phục hồi rõ rệt từ giữa năm 2013. Động lực này đã giúp kinh tế châu Âu và các nước phát triển từng bước thoát khỏi khó khăn. Do vậy, kinh tế thế giới năm 2014 được nhận định sẽ tăng trưởng 3,5%, tốt hơn năm 2013 là 2,9%. Tóm lại kinh tế các nước phát triển tăng trưởng tốt đồng thời kinh tế Trung Quốc giảm xuất khẩu để phát triển tiêu thụ nội địa sẽ mở ra cơ hội xuất khẩu tốt cho các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Ở trong nước, môi trường đầu tư của Việt Nam sẽ tiếp tục được cải thiện nhờ những thuận lợi đến từ những cơ hội gia tăng xuất khẩu và đón nhận dòng vốn từ nước ngoài gắn với xu hướng hồi phục kinh tế thế giới, cùng với sự cộng hưởng hiệu ứng tích cực của một loạt chính sách vĩ mô mà Việt Nam đã triển khai hay sẽ có hiệu lực từ đầu năm 2014, nhất là từ chính sách giảm thuế, từ 25% xuống 22% kể từ 01.1.2014. Chính sách tiền tệ tiếp tục được nới lỏng và chính sách tài khóa được kích thích nhờ nâng trần bội chi (từ 4,3% GDP năm 2013 lên 5,2% năm 2014) đồng thời cam kết duy trì lạm phát tăng dưới 1 con số sẽ là những tín hiệu tích cực hỗ trợ nền kinh tế. Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) dự báo GDP năm 2014 của Việt Nam có thể tăng 5,5% và lạm phát tăng 7,2% so với năm 2013.

2. Tình hình thị trường

Mặc dù năm 2013 là năm khó khăn nhất của kinh tế Việt Nam kể từ 2008, nhưng tình hình kinh tế đất nước đã có dấu hiệu phục hồi, các ngành sẽ phát triển tốt là những ngành phục vụ hoặc trực tiếp xuất khẩu vào các nước phát triển như thủy sản, dệt may, có thể kể thêm ngành sản xuất tiêu dùng nội địa và bán lẻ, còn ngành xây dựng – bất động sản vẫn chưa thể khởi sắc dù đã trải qua nhiều năm trì trệ. Dự báo năm 2014 thị trường bất động sản chỉ có thể “tan băng” cục bộ và giá sẽ còn giảm tiếp, thị trường xây dựng vẫn còn bị thu hẹp.

Giá cả các loại vật tư đầu vào tiếp tục biến động, khó dự báo, giá điện, giá nhiên liệu dự kiến sẽ còn tiếp tục tăng. Lãi suất vay tuy đã giảm nhưng vẫn còn ở mức cao và việc tiếp cận nguồn vốn vay vẫn hết sức khó khăn.

Các chủng loại sản phẩm của công ty ngày càng gặp phải sự cạnh tranh gay gắt do thị trường hẹp, nguồn công việc ít. Những phụ phí, chi phí hoa hồng dần biến dạng, phức tạp càng làm cho việc tiếp cận, tham gia các dự án của công ty gặp nhiều trở ngại.

3. Tình hình công ty

3.1- Khó khăn

- Với gánh nặng về vốn của năm 2011, 2012 để lại, cộng với hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2013 tiếp tục ở số âm sẽ làm cho tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014 gặp rất nhiều khó khăn.
- Vật tư phục vụ sản xuất luôn phải mua chịu cộng lãi suất trả chậm dẫn đến chi phí cao, đội giá thành, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.
- Nợ phải thu (bị khách hàng chiếm dụng) vẫn ở mức cao nhưng rất khó thu vì đa số là các nợ cũ phát sinh từ lâu. Mặt khác các hợp đồng mới thường được tạm ứng rất ít, thời gian thanh toán kéo dài nên công ty luôn trong tình trạng thiếu vốn để sản xuất.
- Thiếu hụt lực lượng lao động có tay nghề, người lao động đang có xu hướng nhảy việc do nhu cầu thị trường lao động ngày càng tăng cao, tạo sự biến động, tăng giảm liên tục, khó khăn trong công tác đào tạo nghề.

3.2- Thuận lợi

- Ngay từ cuối năm 2013, với sự cố gắng nỗ lực công ty đã và chuẩn bị ký được một số hợp đồng có giá trị lớn cho cả ba loại sản phẩm (cọc bê tông ly tâm, trụ điện, bê tông trộn sẵn), với giá trị gói đầu trên 60 tỷ đồng và một số dự án có khả năng trúng thầu trên 30 tỷ đồng.
- Các dự án nhà ở xã hội, nhà ở thu nhập thấp đang có sự chuyển biến khả quan cũng như một số công trình hạ tầng tiếp tục khởi động sẽ nâng mức cầu sản phẩm bê tông đối với thị trường, tạo thuận lợi hơn trong công tác tiếp thị đấu thầu.
- Công ty đã chủ động làm việc với ngân hàng và thuế để giãn nợ, đồng thời nỗ lực tìm kiếm thêm nguồn vốn mới. Bên cạnh đó, các nhà cung ứng cũng khoanh lại nợ cũ và kéo dài thêm thời gian thanh toán để công ty giảm bớt áp lực tài chính, tập trung nguồn vốn cho sản xuất.
- Công ty sau một năm tổ chức sắp xếp nhân sự, tái cấu trúc bộ máy, năng lực điều hành có sự chuyển biến tích cực và khối lượng, chất lượng sản phẩm được cải thiện.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

4.1- Mục tiêu:

Từ những bài học kinh nghiệm đúc kết trong năm 2013 cộng với tinh thần nghiêm túc đánh giá, phân tích tình hình thị trường và tiềm lực của công ty, với yêu cầu phải đổi mới triệt để nhằm duy trì và phát triển, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2014 tập trung vào các mục tiêu như sau:

Xây dựng được chiến lược, chính sách kinh doanh để đảm bảo hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Quan tâm tìm hiểu năng lực khách hàng để không thiếu hụt nguồn vốn, phát sinh thêm nợ xấu. Phải đảm bảo được tiến độ quyết toán công trình để công tác thu hồi nguồn vốn được nhanh chóng.

Phải xây dựng và thực hiện bằng được kế hoạch tài chính, nâng cao công tác quản trị tài chính, quản trị dòng tiền, không để nguồn vốn sản xuất luôn bị đọng, thiếu hụt.

Cải tiến công tác thu hồi vốn một cách triệt để và hiệu quả bằng nhiều cách (kể cả việc cần trừ giữa các đơn vị để giảm nợ phải thu, phải trả).

Tiếp tục tái cấu trúc cơ cấu tổ chức sản xuất, nâng cao năng lực bộ máy điều hành xưởng, sàng lọc lực lượng theo hướng tinh gọn. Quan tâm đào tạo và trẻ hóa đội ngũ lao động.

Phải loại bỏ được căn bệnh cố hữu: Chất lượng sản phẩm kém, mẫu mã xấu, năng suất thấp, tiến độ chậm, hồ sơ kỹ thuật không kịp thời.

Chú trọng đầu tư cải tạo dây chuyền sản xuất. Trước mắt cải tạo dây chuyền bê tông ly tâm để nâng cao năng suất 2 sản phẩm cọc ống và cột điện.

4.2- Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2014

Căn cứ vào năng lực thực hiện, tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, thị trường sản phẩm và những hợp đồng gởi đầu. Công ty xây dựng các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

– Giá trị sản lượng	: 185,2 tỷ đồng , bằng 215,59% so với thực hiện năm 2013. (Công ty mẹ : 130 tỷ đồng; Công ty con : 55,2 tỷ đồng).
– Giá trị doanh thu	: 171,68 tỷ đồng , bằng 215,16% so với thực hiện năm 2013. (Công ty mẹ : 123 tỷ đồng; Công ty con : 48,68 tỷ đồng).
– Khối lượng sản phẩm	: 69.034m³ , bằng 264,65% so với thực hiện năm 2013. (Công ty mẹ : 53.000m ³ ; Công ty con : 16.034m ³).
– Giá trị thu hồi vốn	: 180 tỷ đồng , bằng 196,1% so với thực hiện năm 2013. (Công ty mẹ : 135 tỷ đồng; Công ty con : 45 tỷ đồng).
– Nợ phải thu đến cuối năm	: 58,2 tỷ đồng , bằng 128,05% so với thực hiện năm 2013. (Công ty mẹ : 48 tỷ đồng; Công ty con : 10,2 tỷ đồng).
– Lợi nhuận trước thuế	: 0,500 tỷ đồng . (Công ty mẹ : 5 tỷ đồng; Công ty con : -4,5 tỷ đồng).
– Tổng quỹ lương	: 17,1 tỷ đồng . (Công ty mẹ : 12,3 tỷ đồng; Công ty con : 4,8 tỷ đồng).
– Lao động bình quân	: 250 người . (Công ty mẹ : 180 người; Công ty con : 70 người).
– Tiền lương bình quân	: 5.704.000 đồng/ người/ tháng .
– Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu:	0,29% .
– Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn góp chủ sở hữu:	0,87% .
– Cổ tức	: 0%.

5. Các giải pháp thực hiện mục tiêu và chỉ tiêu SXKD năm 2014

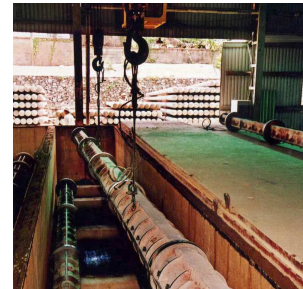
5.1- Công tác tiếp thị kinh doanh

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, bán hàng, đặc biệt chú trọng đến việc tiếp thị sản phẩm cọc vuông và bê tông trộn sẵn để có khối lượng công việc đều cho các xưởng. Quan tâm đến việc tìm kiếm, tiếp thị việc làm cho công ty con.
- Liên kết, phối hợp tốt với các nhà thầu thi công ép cọc để nhận thầu trọn gói bao gồm cả công tác cung cấp và thi công ép cọc nhằm chủ động trong việc bảo quản sản phẩm của công ty cũng như chủ động trong công tác thu hồi vốn.
- Đào tạo đội ngũ tiếp thị thích ứng với công việc chuyên môn một cách chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng bán hàng. Xây dựng cơ chế khoán lương đặc thù cho đội ngũ kinh doanh để kích thích công việc, tạo sự gắn bó lâu dài.

- Xây dựng chính sách hoa hồng hợp lý, hợp pháp để nâng cao tính cạnh tranh và thu hút khách hàng. Thiết lập chính sách kinh doanh phù hợp với từng thời kỳ biến động của thị trường một cách linh hoạt, chủ động để không mất khách hàng tiềm năng, truyền thống.

5.2- Công tác tổ chức sản xuất

- Chú trọng và luôn coi là mục tiêu hàng đầu công tác chất lượng sản phẩm. Cải tiến phương pháp kiểm tra, kiểm soát trước và trong sản xuất để đảm bảo mỗi sản phẩm xuất xưởng là một sản phẩm chất lượng nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu của công ty trên thương trường.
- Rà soát, sắp xếp lại lực lượng sản xuất theo từng độ tuổi, tay nghề để bố trí nguồn lực một cách hợp lý, hiệu quả nhằm nâng cao năng suất. Nâng cao hơn nữa ý thức kỷ luật lao động và tinh thần trách nhiệm với công việc. Coi trọng việc trẻ hoá đội ngũ để nâng cao chất lượng lao động và năng suất lao động.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí và chất lượng sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển để tiết kiệm chi phí sửa chữa, đảm bảo tuổi thọ, độ bền của máy, tránh hư hỏng thường xuyên làm ngưng trệ sản xuất. Thường xuyên tổ chức hướng dẫn, huấn luyện cho người vận hành, sử dụng.
- Nâng cao trách nhiệm của Ban điều hành xưởng trong việc tổ chức sản xuất, quản lý lao động, quản lý vật tư và thực hiện các biện pháp an toàn trong thi công.



5.3- Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo

- Đảm bảo nguồn lao động có chất lượng và tổ chức sắp xếp, tinh giản bộ máy để nâng cao năng suất, tiết kiệm chi phí.
- Đảm bảo cơ chế, chính sách và quyền lợi cho người lao động theo quy định để bảo toàn lực lượng, cải thiện mối quan hệ lao động. Điều chỉnh lương phù hợp với tình hình sản xuất và mặt bằng thu nhập trong khu vực để người lao động không nhảy việc, an tâm gắn bó với công ty.
- Kiểm tra định kỳ công tác BHLĐ và huấn luyện ATLĐ cho công nhân mới vào làm theo quy định. Huấn luyện an toàn vận hành thiết bị nâng, an toàn thiết bị áp lực.
- Coi trọng việc hướng dẫn nghề cho người lao động và đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ năng điều hành công việc, kỹ năng phối hợp nhóm cho cán bộ quản lý cấp trung để nâng cao chất lượng đội ngũ, kể cả việc nâng cao tính pháp chế trong việc thực hiện nội quy, quy chế, quy định của công ty.
- Tiếp tục tuyển dụng đủ lao động cho các xưởng sản xuất để đáp ứng nhu cầu lao động sản xuất và thay thế lao động lớn tuổi, sức khỏe yếu, không tích cực lao động.

5.4- Công tác vật tư, thiết bị

- Nâng cao năng lực kiểm soát nguồn vật tư, vật liệu đầu vào để không bị ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Tích cực tìm nhiều nhà cung ứng, đặc biệt chú trọng các nhà cung cấp vật tư là khách hàng mua các sản phẩm của công ty để bù trừ công nợ nhằm đảm bảo cung cấp vật tư kịp thời phục vụ sản xuất cũng như giảm được nợ phải thu.
- Quan tâm đến việc sử dụng vật tư trong và sau sản xuất, không để dư thừa. Kiểm soát số lượng vật tư phù hợp với định mức, không để tình trạng tồn kho vật tư với số lượng lớn và thời gian dài gây ứ đọng vốn của công ty.
- Chủ động nhập thép chuyên dụng đáp ứng kế hoạch sản xuất của công ty theo tháng, quý, năm. Tìm kiếm thêm nhiều nhà cung ứng, đặc biệt là nhà cung ứng chung cho các đơn vị trong hiệp hội để có nguồn cung ổn định, giá rẻ.

5.5- Công tác tài chính và thu hồi vốn

- Cân đối nguồn tiền hợp lý để đáp ứng đủ vốn cho công tác sản xuất, không để tình hình thiếu, chậm vật tư kéo dài như năm trước. Lập kế hoạch chi tiết dòng tiền và sử dụng dòng tiền có hiệu quả cao.
- Nâng cao năng lực kiểm soát tài chính nhằm hạn chế tối đa các rủi ro từ hoạt động kinh doanh. Duy trì tính minh bạch và công khai về tài chính của công ty, luôn đảm bảo công bố các thông tin tài chính kịp thời và nhanh nhất đến Ủy ban chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các cổ đông và các nhà đầu tư chiến lược.
- Hoàn thành nhanh chóng các hồ sơ pháp lý, hoàn công, biên bản nghiệm thu, đối chiếu công nợ để đẩy nhanh công tác thanh quyết toán, thu tiền bán hàng. Tránh tình trạng khách hàng dựa vào những lý do này để chiếm dụng vốn, chậm thanh toán.
- Duy trì công tác hợp thu hồi vốn theo định kỳ để nắm bắt tình hình thanh toán từng khách hàng và có biện pháp xử lý kịp thời.

5.6- Một số giải pháp cơ bản khác

- Tiếp tục thực hiện triệt để chính sách tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong mọi lĩnh vực hoạt động của công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh sản xuất các loại sản phẩm và các dự án có tính thanh khoản nhanh, nâng cao tỷ trọng sản xuất sản phẩm cột điện bê tông ly tâm.

- Chuyên nghiệp hơn trong công tác dự báo, đánh giá và phân tích, xử lý thông tin tình hình kinh tế thị trường, thông tin của các đơn vị cùng ngành nghề để mở rộng liên kết hoặc xây dựng đối sách kinh doanh.
- Tiếp tục cải tiến đơn giá nhân công, định mức vật tư cho phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh thực tế. Công bằng trong phân phối để thu hút người tài, giữ chân người có tay nghề, kích thích sản xuất và nâng cao thu nhập chính đáng cho người lao động, nhất là việc phân phối tiền lương tại các xưởng sản xuất.
- Áp dụng các biện pháp kiểm soát hữu hiệu và thực hiện việc chế tài trong việc chấp hành các nội quy, quy định, chỉ thị để nâng cao chất lượng công việc và tinh lọc bộ máy./

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2013.

Hội đồng quản trị công ty đã thể hiện tinh thần trách nhiệm luôn quan tâm đến hoạt động của công ty. Giám sát Ban Điều hành trong việc triển khai các nghị quyết của HĐQT. Kịp thời tháo gỡ vướng mắc và đưa ra những quyết sách phù hợp, tạo điều kiện cho Ban Điều hành công ty thực hiện nhiệm vụ.

Giám sát HĐTV công ty con (An Hòa – BCC) trong việc chỉ đạo Ban Điều hành tổ chức hoạt động lại từ tháng 5/2013 để phục hồi sản xuất, nâng cao sản lượng và giảm áp lực về chi phí tài chính năm 2013.

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2013.

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã họp 06 cuộc họp thường kỳ, 05 cuộc họp bất thường và 11 cuộc họp lấy ý kiến bằng văn bản để quyết định các vấn đề quan trọng về các mặt hoạt động của công ty.

2.1- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản – Lần thứ 14/2013, theo Phiếu lấy ý kiến số 007/BCC-HĐQT ngày 03.01.2013. Nội dung:

- Thống nhất việc điều chỉnh đơn giá nhân công theo mức lương tối thiểu chung (1.050.000đ) tại Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12.4.2012 của Thủ tướng Chính phủ, căn cứ theo tờ trình của TGD công ty. Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.
- Giao cho Tổng Giám đốc công ty triển khai thực hiện từ tháng 1/2013.
- Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 08.1.2013.

2.2- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản – Lần thứ 15/2013, theo Phiếu lấy ý kiến số 017/BCC-HĐQT ngày 14.01.2013. Nội dung:

- Thống nhất việc chi lương cho CBCNV dịp tết Nguyên đán năm 2013. Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.
 - *Nguồn chi* : Ứng quỹ lương năm 2013
 - *Mức chi* : Một người 1 tháng lương thực tế.
-

-
- *Đối tượng* : CBCNV có mặt đến 31.12.2012.
 - Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 16.1.2013.
-

2.3- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản – Lần thứ 16/2013, theo Phiếu lấy ý kiến số 032/BCC-HĐQT ngày 28.01.2013. Nội dung:

- Thống nhất sửa đổi (bổ sung) Điều lệ Công ty TNHH MTV An Hòa – BCC (công ty con). Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.
 - Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh tại khoản 2, Điều 4.
 - Bổ sung thêm quyền của chủ sở hữu tại Điều 16.
 - Giao cho HĐQT Công ty con đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh với cơ quan quản lý địa phương từ 01.2.2013.
 - Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01.2.2013.
-

2.4- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản – Lần thứ 17/2013, theo Phiếu lấy ý kiến số 031/BCC-HĐQT ngày 28.01.2013. Nội dung:

- Thống nhất thanh lý tài sản cố định, theo tờ trình của TGD công ty. Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.
 - *Loại tài sản* : Dụng cụ hơi DT.1334 của Nhật Bản. Số lượng 6 cái.
 - *Hình thức thanh lý* : Thu hồi phụ tùng thay thế, không bán phế liệu.
 - Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01.2.2013.
-

2.5- Hợp HĐQT (bất thường), biên bản họp số 044/BB-BCC-HĐQT ngày 02.2.2013. Nội dung:

- Đồng ý vay vốn tại Vietcombank Biên Hòa để bổ sung vốn lưu động.
 - Đồng ý thế chấp tài sản của công ty để đảm bảo cho các khoản vay
 - Thống nhất giao cho Ông Hồ Đình Thuận, Tổng Giám đốc công ty được thay mặt HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau.
 - Ký kết các hồ sơ liên quan đến khoản vay.
 - Được phép sử dụng tài sản của công ty để thế chấp ngân hàng
 - Được phép ủy quyền cho người khác ký thay hồ sơ vay.
-

2.6- Hợp HĐQT kỳ họp thứ 14/2013 ngày 05.2.2013 (thứ Ba), theo Thư mời họp số 037/TB-BCC-HĐQT ngày 30.1.2013. Nghị quyết các nội dung:

- Thống nhất giao nhiệm vụ lập báo cáo đánh giá kết quả SXKD, đầu tư năm 2012 và xây dựng chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 cùng các giải pháp thực hiện để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
 - Giao cho công ty con (An Hòa – BCC) lập báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh trình HĐQT trước ngày 16.2.2013.
 - Công tác tổ chức đại hội
 - Thông qua ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên là ngày 06.4.2013.
 - Nghiên cứu phương án thù lao HĐQT, BKS để trình Đại hội đồng cổ đông.
 - Công tác nhân sự điều hành.
 - HĐQT thống nhất phương án đề xuất ông Nguyễn Trọng Kim giữ chức TGD sau
-

khi có ý kiến của cổ đông lớn là Tổng công ty xây dựng số 1. Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.

- Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 05.2.2013.

2.7- Họp HĐQT kỳ họp thứ 15/2013 ngày 19.2.2013 (thứ Ba), theo Thư mời họp số 046/TB-BCC-HĐQT ngày 06.2.2013. Nghị quyết các nội dung:

- Giao nhiệm vụ phục vụ công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2013.
 - Thống nhất dự thảo báo cáo SXKD năm 2012 và phương án thu lao HĐQT, BKS năm 2013.
 - Giao cho thư ký HĐQT soạn thảo báo cáo quản trị công ty và báo cáo thường niên gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Lập thông báo thực hiện quyền gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam.
 - Giao cho ông Phúc phối hợp với đơn vị kiểm toán để hoàn thành báo cáo tài chính soát xét.
 - Đề nghị Ban Kiểm soát hoàn thiện báo cáo để HĐQT thông qua trước khi trình đại hội.
- Công tác nhân sự HĐQT
 - Thống nhất cho ông Hồ Đình Thuận thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT sau khi xin ý kiến của cổ đông lớn (cổ đông nhà nước). Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.
 - Đề nghị cổ đông nhà nước cử người thay thế Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty.
- Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 19.2.2013.

2.8- Họp HĐQT kỳ họp thứ 16/2013 ngày 01.3.2013 (thứ Sáu), theo Thư mời họp khẩn số 055/TB-BCC-HĐQT ngày 28.2.2013. Nghị quyết các nội dung:

- HĐQT chấp thuận việc thôi giữ các chức danh điều hành quản lý công ty đối với ông Hồ Đình Thuận kể từ ngày 08.3.2013. Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.
 - Chủ tịch HĐQT
 - Thành viên HĐQT
 - Tổng Giám đốc công ty
- Thống nhất bầu bổ sung thành viên HĐQT và ý kiến biểu quyết các chức danh điều hành quản lý công ty. Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.
 - Ông Vũ Xuân Hải được bầu làm thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2010 – 2015)
 - Ông Vũ Xuân Hải, giữ chức chủ tịch HĐQT công ty
 - Bổ nhiệm Ông Vũ Xuân Hải làm Tổng Giám đốc công ty
- Bàn giao nhiệm vụ quản lý điều hành công ty vào ngày 09.3.2013.
- Giao thư ký HĐQT công bố thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cơ quan liên quan theo quy định đối với tổ chức niêm yết.
- Giao cho TGD chỉ đạo các phòng ban liên quan lập thủ tục đăng ký kinh doanh
- Lập tờ trình xin ý kiến Đại hội cổ đông về việc Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc công ty vào kỳ đại hội cổ đông gần nhất.
- Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01.3..2013.

2.9- Họp HĐQT (bất thường), biên bản họp số 067/BB-BCC-HĐQT ngày 12.3.2013. Thống nhất các nội dung:

-
- Đồng ý cử Ông Vũ Xuân Hải, Tổng Giám đốc làm chủ tài khoản công ty tại Vietcombank.
 - Đồng ý vay vốn tại Vietcombank Biên Hòa để bổ sung vốn lưu động.
 - Giao cho Ông Vũ Xuân Hải, Tổng Giám đốc công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau:
 - Ký kết các hồ sơ liên quan đến khoản vay.
 - Được phép sử dụng tài sản của công ty để thế chấp ngân hàng
 - Được phép ủy quyền cho người khác ký thay hồ sơ vay.
-

2.10- Họp HĐQT kỳ họp thứ 17/2013 ngày 18.3.2013 (thứ Hai), theo Thư mời họp số 063/TB-BCC-HĐQT ngày 14.3.2013. Nghị quyết các nội dung:

- Công tác tổ chức đại hội cổ đông
 - Giao nhiệm vụ các thành viên HĐQT tại đại hội cổ đông.
 - Lập các tiểu ban phục vụ đại hội.
 - Công tác nhân sự Ban điều hành công ty
 - Đề xuất bổ nhiệm phó TGD công ty (sẽ lấy ý kiến vắng văn bản).
 - Phân công lại nhiệm vụ thành viên HĐQT.
 - 3. Công tác sắp xếp tổ chức
 - Chuyển phòng Kinh doanh từ chi nhánh TP. Hồ Chí Minh về làm việc tại trụ sở công ty tại Biên Hòa.
 - Sửa lại phòng làm việc để sắp xếp lại vị trí các phòng ban
 - Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 18.3..2013.
-

2.11- Họp HĐQT (bất thường), nghị quyết số 081/NQ-BCC-HĐQT ngày 22.3.2013. Nội dung:

- Quyết định mở các tài khoản thanh toán tiền đồng Việt Nam, Đô la Mỹ và tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng VID PUBLIC, chi nhánh Bình Dương.
-

2.12- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản – Lần thứ 18/2013, theo Phiếu lấy ý kiến số 094/BCC-HĐQT ngày 28.3.2013. Nội dung:

- Thống nhất bổ nhiệm Ông Trần Chí Hiếu giữ chức danh phó Tổng Giám đốc công ty kể từ ngày 01.4.2013, thời gian bổ nhiệm là 3 năm. Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.
 - Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01.4.2013.
-

2.13- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản – Lần thứ 19/2013, theo Phiếu lấy ý kiến số 113/BCC-HĐQT ngày 11.04.2013. Nội dung:

- Thống nhất chủ trương tái sản xuất tại Công ty TNHH MTV An Hòa – BCC (công ty con). Thời gian thực hiện trong quý 2/2013. Ý kiến biểu quyết đồng ý 3/5, tỷ lệ 60%.
 - Giao cho HĐTV công ty con triển khai thực hiện công tác tổ chức sản xuất tại nhà máy An Hòa theo phương án được HĐQT công ty phê duyệt.
 - Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 18.4.2013.
-

2.14- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản – Lần thứ 20/2013, theo Phiếu lấy ý kiến số 120/BCC-HĐQT ngày 17.04.2013. Nội dung:

- Thống nhất bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh phó Tổng Giám đốc.
 - Tái bổ nhiệm chức danh phó TGD đối với ông Nguyễn Thanh Hoàn, kể từ ngày 25.4.2013. Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.
 - Không tái bổ nhiệm chức danh phó TGD đối với ông Trần Văn Ngân, kể từ ngày 25.4.2013. Ý kiến biểu quyết đồng ý 3/5, tỷ lệ 60%.
 - Không tái bổ nhiệm chức danh phó TGD đối với ông Nguyễn Trọng Kim, kể từ ngày 25.4.2013. Ý kiến biểu quyết đồng ý 3/5, tỷ lệ 60%.
- Thống nhất bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng
 - Tái bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng công ty đối với ông Trần Văn Phúc, kể từ ngày 25.4.2013. Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.
- Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 25.4.2013.

2.15- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản – Lần thứ 21/2013, theo Phiếu lấy ý kiến số 161/BCC-HĐQT ngày 22.05.2013. Nội dung:

- Thống nhất bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV An Hòa – BCC (công ty con).
 - Miễn nhiệm chức danh TGD điều hành và thành viên HĐQT công ty con đối với ông Đào Văn Sơn, kể từ ngày 28.5.2013. Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.
 - Bổ nhiệm chức danh TGD điều hành công ty con đối với ông Mai Duy Thắng, kể từ ngày 28.5.2013. Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.
- Giao cho HĐQT công ty con tiến hành các thủ tục thay đổi nhân sự, tổ chức bàn giao công tác điều hành quản lý theo các quy định pháp luật và Điều lệ công ty.
- Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 28.5.2013.

2.16- Họp HĐQT kỳ họp thứ 18/2013 ngày 16.7.2013 (thứ Ba), theo Thư mời họp số 216/TB-BCC-HĐQT ngày 11.7.2013. Nghị quyết các nội dung:

- Thống nhất kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ SXKD 6 tháng cuối năm 2013.
 - Triển khai công tác đầu tư.
 - Đầu tư lắp đặt thêm trạm trộn T120 tại nhà máy Biên Hòa. Giá trị đầu tư là 3 tỷ đồng.
 - Đầu tư mua 2 khuôn trụ 14m. Giá trị là 0,5 tỷ đồng.
 - Đầu tư hệ thống sàng cát công suất 25 ~ 30m³/h. Giá trị đầu tư là 220 triệu đồng.
 - Đầu tư mua 20 khuôn cọc ống Ø600, 30 khuôn Ø500 và 30 khuôn Ø400 để cung cấp cọc cho các dự án, hợp đồng lớn và cung cấp cho công trình xây dựng nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn của CC1 tại Thanh Hóa.
 - Thống nhất việc tự nguyện xin hủy niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) để giữ thương hiệu công ty. Thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2013. Dự kiến chi phí cho việc hủy niêm yết là 55 triệu đồng.
 - Thống nhất phân công lại nhiệm vụ các thành viên HĐQT (tham gia trực tiếp điều hành quản lý tại công ty). Kể từ ngày 16.7.2013.
 - Thống nhất một số nội dung khác.
-

-
- Mở rộng thêm 2 lĩnh vực kinh doanh là thi công hạ tầng và kinh doanh vật liệu.
 - Mở rộng sản xuất sản phẩm bê tông đúc sẵn tại công ty con.
 - Mua 01 xe con phục vụ công tác quản lý điều hành công ty.
 - Tổ chức thanh lý tài sản sau kiểm kê để thu hồi vốn cho sản xuất
- Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 16.7.2013.
-

2.17- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản – Lần thứ 22/2013, theo Phiếu lấy ý kiến số 268/BCC-HĐQT ngày 13.9.2013. Nội dung:

- Thống nhất việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT công ty
 - Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2010 – 2015 đối với ông Trần Văn Ngân kể từ 25.9.2013. Ý kiến biểu quyết đồng ý 4/4, tỷ lệ 100%.
 - Bổ nhiệm chức danh thành viên HĐQT công ty nhiệm kỳ 2010 – 2015 đối với ông Mai Duy Thắng kể từ ngày 25.9.2013. Ý kiến biểu quyết đồng ý 4/4, tỷ lệ 100%.
- Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 25.9.2013.
-

2.18- Họp HĐQT (bất thường), nghị quyết số 295/NQ-BCC-HĐQT ngày 18.10.2013. Nội dung:

- Thống nhất việc tham gia chương trình “Cải cách doanh nghiệp Nhà nước và hỗ trợ quản trị doanh nghiệp” do ADB tài trợ để tái cơ cấu nợ cho dự án Nhà máy bê tông An Hòa (Công ty TNHH MTV An Hòa BCC).
 - Thống nhất các nội dung cam kết với Tổng Công ty Xây dựng số 1 – TNHH MTV (CC1) về khoản vay của dự án.
 - Ủy quyền cho Tổng Giám đốc công ty được thay mặt Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau:
 - Ký kết các hồ sơ liên quan đến khoản vay.
 - Thực hiện các nội dung đã cam kết với CC1.
 - Được phép ủy quyền cho các cá nhân khác ký thay hồ sơ có liên quan.
- Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 18.10.2013.
-

2.19- Họp HĐQT kỳ họp thứ 19/2013 ngày 11.11.2013 (thứ Hai), theo Thư mời họp số 305/TB-BCC-HĐQT ngày 07.11.2013. Nghị quyết các nội dung:

- Thống nhất kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ SXKD quý 4/2013.
 - Thống nhất việc phân công lại nhiệm vụ các thành viên HĐQT công ty.
 - Thống nhất việc đầu tư mua sắm khuôn để sản xuất cừ ván. Triển khai vào đầu quý 1/2014.
 - Thống nhất một số nội dung công tác khác.
 - *Công tác lập báo cáo và tổ chức kiểm kê:* Giao cho ông Nguyễn Thanh Hoàn chủ trì lập báo cáo tổng kết công tác hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013. Giao cho ông Trần Văn Phúc chủ trì lập kế hoạch kiểm kê tại công ty mẹ và công ty con.
 - *Công tác lương thưởng:* Tạm trích quỹ lương năm 2014 chi Tết Dương Lịch và Tết Âm lịch (Giáp Ngọ). Mức chi tương đương năm 2013. Phương án chi sẽ do Tổng Giám đốc trình HĐQT công ty phê duyệt.
-

- *Công tác đánh giá tài sản, cơ cấu vốn:* Giao cho Ông Phúc mời đơn vị tư vấn đánh giá, thanh lý tài sản tại công ty mẹ để tái cơ cấu vốn. Giao cho HĐQT công ty con lập phương án xử lý nguồn vốn tại nhà máy An Hòa, trình HĐQT xem xét.

– Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 11.11.2013.

2.20- Hợp HĐQT (bất thường), nghị quyết số 312/NQ-BCC-HĐQT ngày 25.11.2013. Nội dung:

- Thống nhất ủy quyền cho Ông Vũ Xuân Hải, Tổng Giám đốc, dùng tài sản cầm cố, thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Phú Nhuận.
- Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 25.11.2013.

2.21- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản – Lần thứ 23/2013 ngày 13.12.2013, theo Phiếu lấy ý kiến số 292/BCC-HĐQT ngày 17.10.2013. Nội dung:

- Thống nhất miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty cổ phần bê tông Biên hòa đối với ông Trần Văn Phúc, kể từ ngày 16.12.2013. Ý kiến biểu quyết đồng ý 4/5, tỷ lệ 80%.

2.22- Lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản – Lần thứ 24/2013, theo Phiếu lấy ý kiến số 323/BCC-HĐQT ngày 04.12.2013. Nội dung:

- Thống nhất nhượng bán chiếc xe Fotuner mới biển số 60A-121.08, công ty đặt cọc mua để làm phương tiện phục vụ công tác. Ý kiến biểu quyết đồng ý 5/5, tỷ lệ 100%.

3. Tham dự họp Hội đồng quản trị năm 2013.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Hồ Đình Thuận	Chủ tịch	8/22	36,6%	Từ nhiệm từ 08.3.2013
2	Ông Vũ Xuân Hải	Chủ tịch	15/22	68,2%	Bỏ nhiệm từ 08.3.2013
3	Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên	22/22	100%	
4	Ông Trần Văn Phúc	Ủy viên	22/22	100%	
5	Ông Trần Văn Ngân	Ủy viên	17/22	77,2%	Từ nhiệm từ 25.9.2013
6	Ông Mai Duy Thắng	Ủy viên	5/22	22,7%	Bỏ nhiệm từ 25.9.2013
7	Ông Phan Văn Hải	Ủy viên	22/22	100%	

4. Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Giám đốc.

- Tham gia họp kế hoạch từ tháng 1/2013 đến tháng 12/2013 của Ban Điều hành công ty: Chỉ đạo giải quyết kịp thời những kiến nghị và những vướng mắc trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc điều hành, nhất là giai đoạn khó khăn về vốn sản xuất vào thời điểm cuối năm..
- Chỉ đạo Hội đồng thành viên công ty con (Công ty TNHH MTV An Hòa – BCC) tổ chức hoạt động sản xuất lại tại nhà máy An Hòa từ tháng 6/2013.
- Chỉ đạo công tác tổ chức thực hiện kiểm kê, xử lý tài sản bán niên (0h ngày 01.1.2013) và cả năm (0h ngày 01.07.2013) tại công ty mẹ và công ty con.
- Kiểm soát việc vay vốn ngân hàng, sử dụng nguồn vốn (hợp đồng mua vật tư chính, đầu tư mua sắm MMTB, xử lý, thanh lý tài sản) của công ty mẹ và công ty con.
- Chủ tịch HĐQT họp Hội đồng thành viên công ty con về công tác sản xuất và tình hình tài chính. Tham dự các kỳ họp kiểm điểm công tác SXKD của Tổng Giám đốc công ty con.
- Phê duyệt phương án sắp xếp nhân sự HĐTV và Ban Điều hành công ty con; Phê duyệt phương án nhân sự Ban Điều hành, các phòng ban, xưởng sản xuất tại công ty mẹ.
- Phê duyệt phương án nhượng bán, điều chuyển, thanh lý tài sản cố định, máy móc thiết bị, phương tiện nhằm phục vụ yêu cầu sản xuất của công ty.
- Phê duyệt phương án lương, thưởng của người lao động và các quy chế, quy định do Tổng Giám đốc trình duyệt theo chức năng, quyền hạn của HĐQT công ty.

5. Hoạt động của Chủ tịch HĐQT

- Ngoài việc chủ trì Đại hội cổ đông, chủ trì các kỳ họp của Hội đồng quản trị, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, Chủ tịch HĐQT còn tham gia họp với Ban điều hành công ty mẹ và công ty con trong các cuộc họp về kế hoạch sản xuất và họp chuyên đề (Tiếp thị kinh doanh, thu hồi vốn, chất lượng sản phẩm..).
- Trên cơ sở Nghị Quyết của Đại hội cổ đông, Nghị Quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã ban hành 91 văn bản liên quan về SXKD của công ty.

6. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (Phân công ủy viên HĐQT phụ trách công tác, không thành lập tiểu ban).

- Ủy viên phụ trách nhân sự: Xây dựng phương án tái cấu trúc sản xuất và bố trí, phân công lại nhiệm vụ trong Ban điều hành công ty. Tổng hợp và trình HĐQT phê duyệt phương án sắp xếp cơ cấu tổ chức nhân sự các phòng ban, xưởng sản xuất do Ban điều hành công ty mẹ và công ty con đề nghị thực hiện.
- Ủy viên phụ trách tài chính: Xây dựng kế hoạch tài chính và phương án nâng cao năng lực của Ban thu hồi công nợ; Đề xuất các giải pháp xây dựng chính sách kinh doanh, quản trị tài chính; Đề xuất với HĐQT các biện pháp kiểm soát nguồn vốn tại công ty mẹ và công ty con.

7. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2013

- Ông Vũ Xuân Hải giữ chức thành viên HĐQT và được bầu làm Chủ tịch HĐQT công ty kể từ ngày 08.3.2013. Thay cho ông Hồ Đình Thuận xin từ nhiệm thành viên HĐQT và thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT công ty từ ngày 08.3.2013.
- Ông Mai Duy Thắng giữ chức thành viên HĐQT công ty kể từ ngày 25.9.2013. Thay cho ông Trần Văn Ngân thôi giữ chức thành viên HĐQT công ty do xin từ nhiệm.

8. Giới thiệu thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có 5 thành viên. Trong đó có 4 thành viên tham gia trực tiếp công tác điều hành, 1 thành viên hoạt động độc lập – Chủ tịch HĐQT công ty kiêm Tổng Giám đốc, điều hành trực tiếp công tác quản lý tại công ty.

Ông VŨ XUÂN HẢI. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT**Năm sinh: 1973. CMND số 023921447****Quá trình công tác:**

- 2003 – 2007 : Công tác tại SONACON
- 2007 – 2013 : PP Đầu tư, Tổng Công ty xây dựng số 1 – TNHH MTV.
- 2013 đến nay : Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần bê tông Biên hòa
- Cổ phiếu nắm giữ : (Đại diện phần vốn Nhà nước) 1.718.182, tỷ lệ: 38,182%

Ông MAI DUY THẮNG. Chức vụ: Thành viên HĐQT**Năm sinh: 1983. CMND số 025144306****Quá trình công tác:**

- 2007 : CB Thiết kế Công ty Tư vấn Xây dựng công trình giao thông 7.
- 2007 – 2013 : PP Quản lý DA, Tổng Công ty xây dựng số 1 – TNHH MTV.
- 2013 đến nay : TGD Công ty TNHH MTV An Hòa – BCC (công ty con).
- Cổ phiếu nắm giữ : 0

Ông TRẦN VĂN PHÚC. Chức vụ: Thành viên HĐQT**Năm sinh: 1965. CMND số 023287260****Quá trình công tác:**

- 1985 – 2002 : Cán bộ kế toán Công ty Xây lắp, Tổng Công ty XD số 1 (CC1).
- 2002 – 2007 : KTT Công ty Đầu tư và XD An Thịnh, Tổng Công ty XD số 1 (CC1).
- 2007 – 2010 : KTT Công ty cổ phần XD số 1 Việt Sơn, Tổng Công ty XD số 1 (CC1).
- 2010 đến nay : KTT Công ty cổ phần bê tông Biên hòa.
- Cổ phiếu nắm giữ : 0

Ông PHAN VĂN HẢI. Chức vụ: Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập)**Năm sinh: 1959. CMND số 271442363****Quá trình công tác:**

- 1984 – 1994 : TP Kỹ thuật Công ty bê tông Biên Hòa.
- 1994 – 2002 : PGĐ Công ty Liên doanh bê tông MêKông, Tổng Công ty XD số 1 (CC1).
- 2002 – 2012 : GD Công ty MêKông. Tổng Công ty XD số 1 (CC1).
- 2012 đến nay : PGĐ Công ty CP Cầu Đồng Nai, Tổng Công ty XD số 1 (CC1).
- Cổ phiếu nắm giữ : 30.777, tỷ lệ: 0,684%

Ông NGUYỄN THANH HOÀN. Chức vụ: Thành viên HĐQT
Năm sinh: 1969. CMND số 021787750

Quá trình công tác:

- 1995 – 1997 : Phụ trách Xí nghiệp bê tông Hòn Chông (đơn vị trực thuộc).
- 2007 – 2008 : Giám đốc Nhà máy bê tông Mỹ Xuân (đơn vị trực thuộc).
- 2008 – 2012 : Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV An Hòa – BCC (công ty con).
- 1995 đến nay : Công tác tại Công ty cổ phần bê tông Biên hòa
- Cổ phiếu nắm giữ : 6.000, tỷ lệ 0,133%

9. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013.

9.1- Đánh giá

- Hội đồng quản trị luôn thực hiện đúng các quy định của Điều lệ công ty (năm 2008), Quy chế quản trị nội bộ công ty (năm 2010) cũng như các quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với công ty niêm yết.
- Hội đồng quản trị công ty đã thể hiện tinh thần trách nhiệm luôn quan tâm đến hoạt động của công ty. Giám sát Ban Điều hành trong việc triển khai các nghị quyết của HĐQT. Kịp thời tháo gỡ vướng mắc và đưa ra những quyết sách phù hợp, tạo điều kiện cho Ban Điều hành công ty thực hiện nhiệm vụ.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện chức trách nhiệm vụ đúng theo Điều lệ công ty. Tuy nhiên một số thành viên Hội đồng quản trị vẫn chưa thể hiện hết vai trò và trách nhiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và bảo toàn nguồn vốn hoạt động của công ty. HĐQT chưa đưa ra được các giải pháp tối ưu để khắc phục những khó khăn của thị trường cũng như của công ty, dẫn đến kết quả SXKD năm 2013 đạt thấp.

9.2- Nhận xét:

- Các thành viên Hội đồng quản trị công ty đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ.

10. Thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2013.

- (Không có)

11. Đào tạo quản trị công ty.

- Hội đồng quản trị có 1/ 5 thành viên đã có chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.
- Ban Kiểm soát có 1/ 3 thành viên đã có chứng chỉ đào tạo quản trị công ty.

12. Cơ cấu cổ đông (Chốt danh sách đến ngày 18.3.2014)

Cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	01	1.718.182	38,18%
Cổ đông là tổ chức khác	12	8.650	0,19%
Cổ đông là cá nhân	558	2.757.668	61,28%
Cổ đông là cá nhân, tổ chức nước ngoài	05	15.500	0,35%
Cộng	576	4.500.000	100,00

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2013.

- Không có thay đổi thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2013. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2010, đã bầu Ban Kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2010 – 2015 với 3 thành viên.

2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát công ty có 3 người. Trong đó có 2 thành viên tham gia trực tiếp vào hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty.

1/ Bà NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG. Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

- Đơn vị công tác : PP Kế toán, Tổng Công ty xây dựng số 1 – TNHH MTV (CC1)
- Cổ phiếu nắm giữ : 14.529, tỷ lệ 0,323%

2/ Ông TẠ QUANG THANH. Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

- Đơn vị công tác : TP. Tổ chức hành chính Công ty cổ phần bê tông Biên hòa.
- Cổ phiếu nắm giữ : 20.014, tỷ lệ 0,445%

3/ Ông ĐÀO VĂN SƠN Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

- Đơn vị công tác : TP. Vật tư Công ty cổ phần bê tông Biên hòa.
- Cổ phiếu nắm giữ : 15.300, tỷ lệ 0,340%

3. Hoạt động và phạm vi giám sát của Ban Kiểm soát.

- *Kiểm soát hoạt động*: Đánh giá quá trình sản xuất kinh doanh để phát hiện rủi ro tiềm tàng nhằm đề xuất các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty.
- *Kiểm soát báo cáo tài chính*: Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng tháng , báo cáo kiểm toán độc lập bán niên và cả năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính.
- *Kiểm soát chiến lược*: Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính năm 2013 và chiến lược triển khai các dự án đầu tư.

4. Ý kiến của Ban Kiểm soát đối với hoạt động công ty.

4.1- Đối với công ty mẹ.

- Công ty cổ phần bê tông Biên hòa lưu ý các số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất, số lỗ lũy tiến đến 31.12.2013 đã làm mất vốn điều lệ, đồng nghĩa với nguy cơ thiếu vốn trầm trọng, khả năng không có vốn cho sản xuất sẽ làm mất năng lực cạnh tranh của công ty với các đơn vị cùng ngành nghề, khách hàng sẽ tìm đối tác khác.
- Phát triển hơn nữa năng lực điều hành sản xuất kinh doanh của công ty, lưu ý vấn đề về dự báo biến động giá vật tư, thiết lập được hệ thống phân tích rủi ro.
- Có chiến lược phát triển phù hợp với nguồn lực và quy mô hiện có của công ty, không tập trung quá sức dẫn đến hụt hơi trong việc hoạch định phương hướng lâu dài, cần tập trung đầu tư những lĩnh vực truyền thống của mình để tạo lợi nhuận ổn định, lâu dài.
- Quan tâm giám sát, quản lý, bảo toàn nguồn vốn tại công ty con (100% vốn điều lệ).

4.1- Đối với công ty con.

- Theo báo cáo kiểm toán của công ty, năm 2013 tiếp tục lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT công ty cần chỉ đạo HĐQT công ty xây dựng phương án giảm lỗ, cắt lỗ thật khả thi để phục hồi nguồn vốn, tránh để tình hình tài chính công ty mẹ kiệt quệ vì phải tiếp tục gánh các chi phí tại công ty con.
- nỗ lực tìm kiếm việc làm để nâng cao khối lượng, doanh thu. Nghiên cứu cho thuê, nhượng phần đất còn trống tại nhà máy để giảm bớt khó khăn về vốn. Trong tình hình lỗ kéo dài, không có khả năng phục hồi cần nghiên cứu phương án bán nhà máy hoặc chuyển sang cổ phần.
- Thành lập ban chuyên trách thu hồi công nợ, lập thủ tục bàn giao những tài sản đã chuyển về công ty mẹ (BCC) giữ hộ hoặc sử dụng phải có chính sách khấu hao, thuê theo đúng quy định.

5. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2014.

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát thường xuyên và định kỳ hàng quý theo đúng điều lệ và quy chế quản trị công ty.

- Xem xét, thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2013 và các báo cáo trình đại hội cổ đông thường niên năm 2014.
- Kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính các quý, 6 tháng, cả năm 2014; Kiểm tra tình hình huy động, sử dụng các nguồn vốn, quản lý doanh thu, chi phí, công tác đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và đầu tư phát triển các dự án công ty đang triển khai.
- Tham gia giám sát công tác kiểm kê định kỳ với công ty.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

1. Nhận định tình hình năm 2014

Tình hình kinh tế xã hội trong nước vẫn còn những khó khăn, ngành kinh doanh bất động sản và xây dựng vẫn đang phải đối mặt với những khó khăn kéo dài từ năm 2012, các dự án đã chuyển động nhưng tiến độ chậm, gánh nặng về vốn vay và lãi suất đã hạ nhiệt nhưng khó tiếp cận. Mặc dù Chính phủ đã có chủ trương ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và kéo giảm lãi suất, nhưng dấu hiệu phục hồi vẫn chưa có chuyển biến tích cực.

Trong khi đó, giá nhiên liệu, vật liệu, điện tiếp tục tăng giá, kéo các giá cả dịch vụ tăng theo, ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

Để đạt được chỉ tiêu doanh thu năm 2014 sẽ phải cần có sự quyết tâm cao do khối lượng công việc nhiều và phải giảm giá sản phẩm để cạnh tranh. Hội đồng quản trị công ty sẽ phải tập trung nhiều nỗ lực và xây dựng các giải pháp tích cực để hỗ trợ Ban điều hành công ty hoàn thành nhiệm vụ.

2. Về công tác quản trị công ty

- Ngoài việc quyết tâm chỉ đạo công tác tổ chức sản xuất kinh doanh năm 2014 đạt kết quả tốt, còn phải nỗ lực khắc phục những tồn tại từ năm 2011 đến nay, đặc biệt là những khó khăn về nguồn vốn. Hội đồng quản trị công ty sẽ tiếp tục thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ tổ chức và quy chế quản trị nội bộ của công ty qui định.

- Thay đổi nhân sự, kiện toàn Hội đồng quản trị để nâng cao năng lực và trách nhiệm từng thành viên Hội đồng quản trị, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Chuẩn bị các phương án sắp xếp cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh, xử lý vốn (cho thuê, nhượng bán nhà máy An Hòa) nếu tình hình hoạt động tại công ty con tiếp tục lỗ, nguồn vốn SXKD vẫn thiếu hụt.
- Tổ chức tốt việc triển khai thực hiện, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị để đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổ chức giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động tại công ty mẹ và công ty con, tăng cường công tác phản biện, cảnh báo để ngăn ngừa, hạn chế rủi ro thất thoát vốn và tài sản của công ty.

3. Về công tác đầu tư phát triển

- Tiếp tục đầu tư thêm khuôn cột điện, cọc ống và thiết bị phục vụ sản xuất bê tông ly tâm ứng suất trước để nhận những đơn hàng với khối lượng lớn, đáp ứng nhu cầu thị trường về sản phẩm bê tông công nghiệp hiện đại.
- Nghiên cứu đầu tư máy móc thiết bị cho lĩnh vực thi công xây dựng hạ tầng (thi công cầu cảng, xây dựng công trình công nghiệp, san lấp mặt bằng ...) đáp ứng nhu cầu thị trường xây dựng và đa dạng ngành nghề của công ty./





**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BIÊN HÒA
VÀ CÔNG TY CON**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
đã được kiểm toán

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

Số: 153/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013
của Công ty cổ phần Bê Tông Biên Hòa và công ty con

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Bê Tông Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và công ty con, được lập ngày 25/03/2014, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi 8.471.489.295 đồng (trong đó số phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm trước chuyển sang là 3.282.102.182 đồng và số phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi năm phát sinh năm nay là 5.189.387.113 đồng) vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Theo ý kiến của chúng tôi nếu ghi nhận đúng thì khoản mục dự phòng nợ phải



thu khó đòi và khoản mục lỗ lũy kế (lợi nhuận chưa phân phối) trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2013 tăng tương ứng 3.282.102.182 đồng, khoản mục lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lỗ) trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 tăng 5.189.387.113 đồng. Đồng thời khoản mục dự phòng nợ phải thu khó đòi và khoản mục lỗ lũy kế (lợi nhuận chưa phân phối) trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 tăng tương ứng 8.471.489.295 đồng.

Công ty chưa lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng kém phẩm chất. Theo ý kiến của chúng tôi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được ghi nhận nhằm phản ánh đúng báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Nếu dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào báo cáo tài chính thì khoản mục lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lỗ) trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 và và khoản mục lỗ lũy kế (lợi nhuận chưa phân phối), khoản mục dự phòng giảm giá hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 sẽ tăng lên 1.901.870.708 đồng.

Công ty chưa trích đủ khấu hao tài sản cố định tại nhà máy ở Long An (thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên An Hòa –BCC). Nếu trích khấu hao những tài sản cố định này thì khoản mục lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lỗ) trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 và và khoản mục lỗ lũy kế (lợi nhuận chưa phân phối), khoản mục giá trị hao mòn lũy kế trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 sẽ tăng lên 2.667.961.745 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Bê tông Biên Hòa và công ty con tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Không phù nhận ý kiến trên, nhưng chúng tôi xin được lưu ý như sau:

Theo bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2013 số dư nợ ngắn hạn là 126.053.485.731 đồng lớn hơn nhiều tài sản ngắn hạn 58.711.689.232 đồng. Mặt khác lỗ lũy kế là (50.323.823.546) đồng, nếu Công ty trích đủ dự phòng công nợ phải thu, hàng tồn kho, và khấu hao tài sản cố định thì số lỗ lũy kế này lớn hơn nhiều vốn đầu tư của chủ sở hữu. Các nội dung này gây ra sự nghi ngờ đáng kể về tính phù hợp của việc giả định về hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục và chưa bao gồm bất cứ sự điều chỉnh cần thiết nào đến vấn đề này.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Phó Giám đốc



Nguyễn Minh Tiến

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2014

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.711.689.232	69.620.929.154
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.329.666.720	1.105.687.959
1. Tiền	111		829.666.720	1.105.687.959
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		575.809.292	527.527.990
1. Đầu tư ngắn hạn	121		575.809.292	527.527.990
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.781.805.404	48.174.063.647
1. Phải thu khách hàng	131		45.845.969.758	59.133.859.356
2. Trả trước cho người bán	132		475.628.683	870.112.868
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	2.055.836.187	2.061.496.893
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(14.595.629.224)	(13.891.405.470)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	18.545.528.069	17.881.847.139
1. Hàng tồn kho	141		19.606.407.510	18.942.726.580
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.060.879.441)	(1.060.879.441)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.478.879.747	1.931.802.419
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		520.225.006	346.707.819
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		170.599.579	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	2.788.055.162	1.585.094.600
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		87.267.041.895	87.062.602.665
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		71.046.473.385	73.872.726.329
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	50.508.207.297	53.202.018.797
- Nguyên giá	222		102.344.688.920	103.861.730.954
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.836.481.623)	(50.659.712.157)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	20.538.266.088	20.670.707.532
- Nguyên giá	228		22.040.668.802	22.040.668.802
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.502.402.714)	(1.369.961.270)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.220.568.510	13.189.876.336
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	2.585.523.397	2.045.555.423
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.8	13.635.045.113	11.103.820.913
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	40.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.978.731.127	156.683.531.819

13
ÔN
NH
VU
HINH
KI
AM
TP.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		147.049.485.731	141.549.401.240
I. Nợ ngắn hạn	310		126.053.485.731	113.777.401.240
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	39.776.232.905	33.787.476.912
2. Phải trả người bán	312		66.739.778.726	69.500.768.071
3. Người mua trả tiền trước	313		2.744.097.285	1.195.953.363
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	7.720.592.061	6.389.149.965
5. Phải trả người lao động	315		2.369.981.976	932.282.059
6. Chi phí phải trả	316	V.11	5.445.147.199	950.918.474
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	1.256.032.766	960.829.583
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.622.813	60.022.813
II. Nợ dài hạn	330		20.996.000.000	27.772.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	20.996.000.000	27.772.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(1.070.754.604)	15.134.130.579
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	(1.070.754.604)	15.134.130.579
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.609.818.000	1.609.818.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.652.254.535	1.652.254.535
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		990.996.407	990.996.407
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(50.323.823.546)	(34.118.938.363)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.978.731.127	156.683.531.819

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.409.947.489	1.409.947.489
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		-	-
- CNY		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Diêm Đăng Lợi

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Hải



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	79.796.539.772	128.114.837.820
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	510.580.273	71.062.818
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	79.285.959.499	128.043.775.002
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	68.587.970.333	111.453.444.474
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.697.989.166	16.590.330.528
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		83.187.078	61.469.009
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	9.576.530.013	18.991.099.283
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.779.558.402	11.195.569.258
8. Chi phí bán hàng	24		7.809.422.040	9.381.084.679
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.943.012.417	13.606.094.294
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.547.788.226)	(25.326.478.719)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.233.335.066	754.471.982
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.421.656.223	1.892.469.748
13. Lợi nhuận khác	40		(188.321.157)	(1.137.997.766)
14. Thu nhập/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(18.736.109.383)	(26.464.476.485)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	-	395.280.077
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.531.224.200)	(6.492.697.833)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(16.204.885.183)	(20.367.058.729)
19. Thu nhập/(lỗ) thuộc các cổ đông thiểu số	61		-	-
20. Thu nhập/(lỗ) sau thuế của Công ty mẹ	62		(16.204.885.183)	(20.367.058.729)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(3.601)	(4.526)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Diễm Đăng Lợi

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Hải

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(18.736.109.383)	(26.464.476.485)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.160.317.436	3.651.932.014
- Các khoản dự phòng	03	704.223.754	3.049.577.141
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(83.187.078)	(61.469.009)
- Chi phí lãi vay	06	7.779.558.402	11.195.569.258
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.175.196.869)	(8.628.867.081)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.509.331.037	(8.687.798.497)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(663.680.930)	9.243.444.525
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	4.814.467.926	14.248.579.459
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	197.168.165	347.566.439
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.498.673.979)	(6.342.745.661)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	809.036.200	49.500.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	2.992.451.550	(216.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.175.634.048	12.879.184
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.099.263.273)	(252.377.776)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	854.545.455	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	83.187.078	61.469.009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(161.530.740)	(190.908.767)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	62.805.663.476	94.206.701.529
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(63.592.907.483)	(99.670.712.828)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.880.540)	(1.297.023.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(790.124.547)	(6.761.034.859)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.223.978.761	(6.939.064.442)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.105.687.959	8.044.752.401
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.329.666.720	1.105.687.959

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Kế toán trưởng

Diêm Đăng Lợi



Tổng Giám đốc

Vũ Xuân Hải

NƠI NHẬN:
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước –
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội –
Lưu VP. HĐQT –
